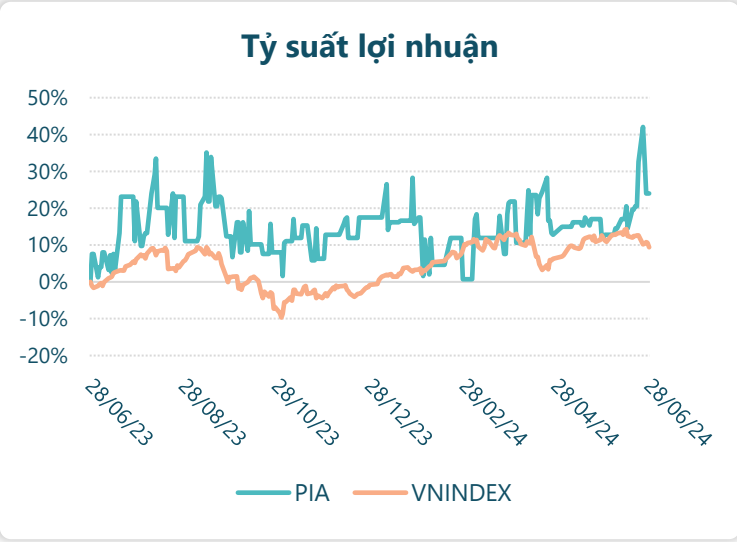


Ngày	28,800 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	9.9%	1.8%	5.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	23,233 - 33,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	112
Số lượng CPLH (CP)	3,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,890
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.01
EPS	3,901
P/E	7.4



Doanh thu thuần
Q2/24

52.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.1 | 215%

YoY: ▲ 25.2 | 90.9%

Nợ/VCSH
Q2/24

55.2%

YoY: +/-▲ 22.2%

LN gộp
Q2/24

19.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.0 | 214%

YoY: ▲ 4.70 | 32.5%

ROE (TTM)
Q2/24

24.9%

YoY: +/-▲ 4.0%

LN trước thuế
Q2/24

7.77

tỷ VNĐ

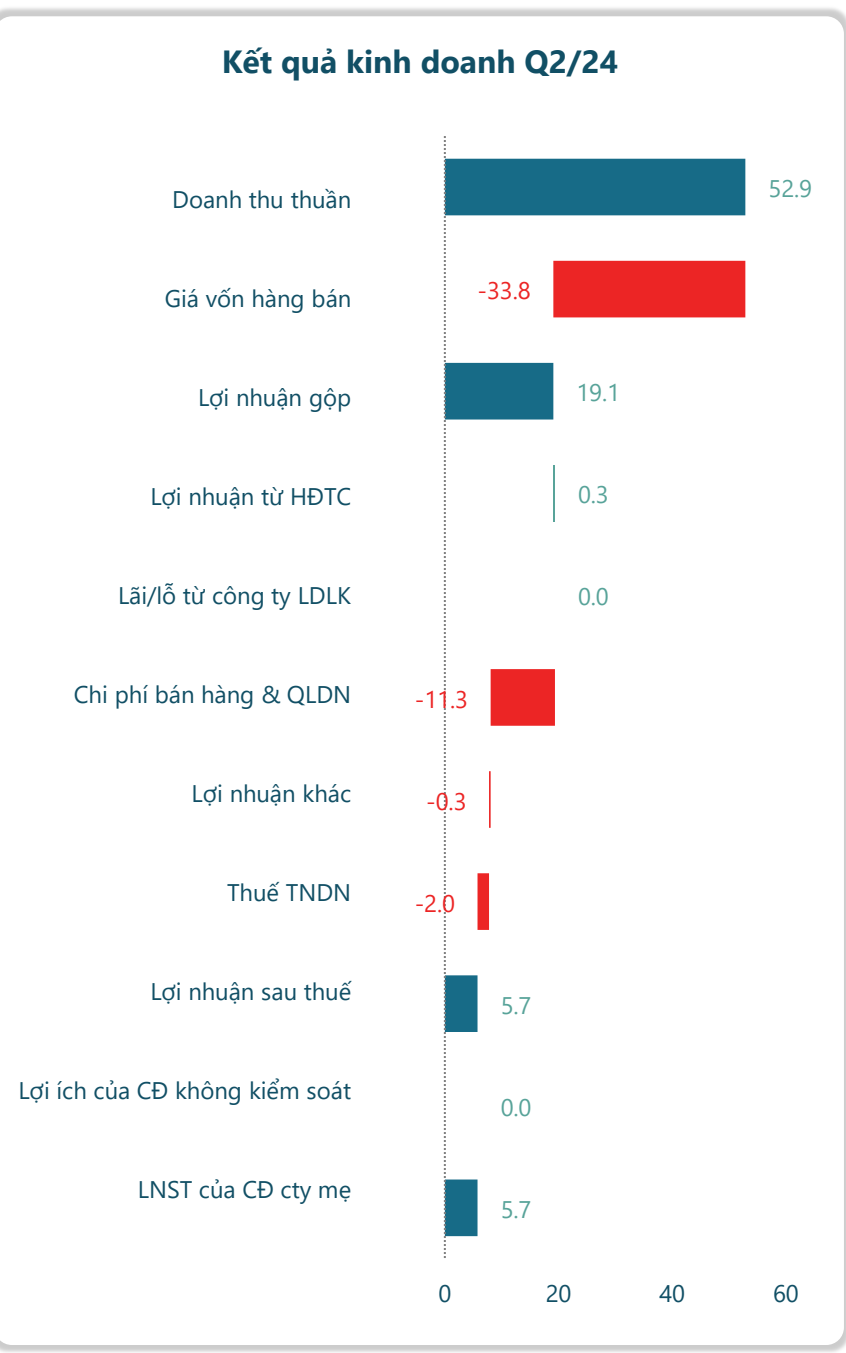
QoQ: ▲ 8.76 | 885%

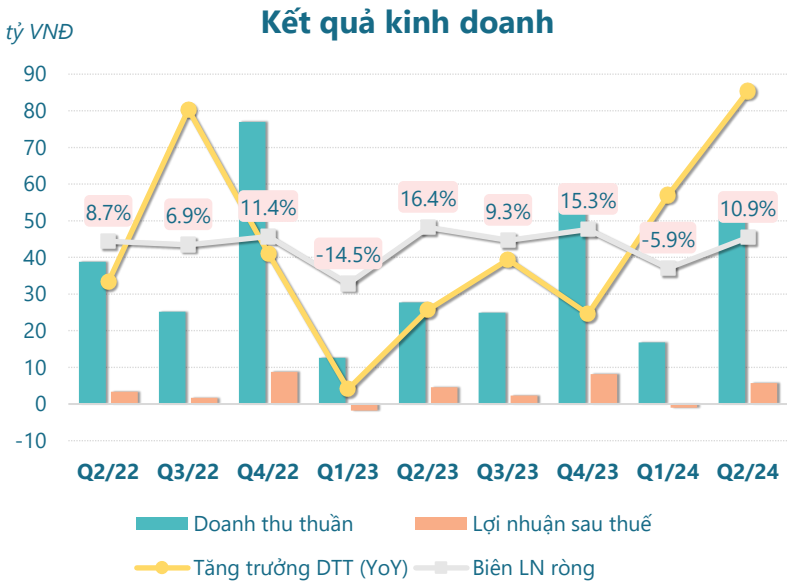
YoY: ▲ 2.54 | 48.6%

ROA (TTM)
Q2/24

16.8%

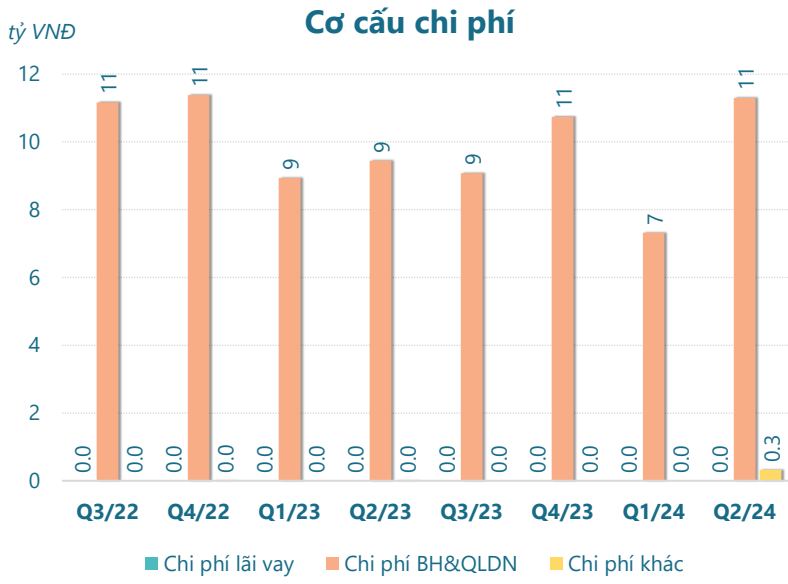
YoY: +/-▼ 0.1%





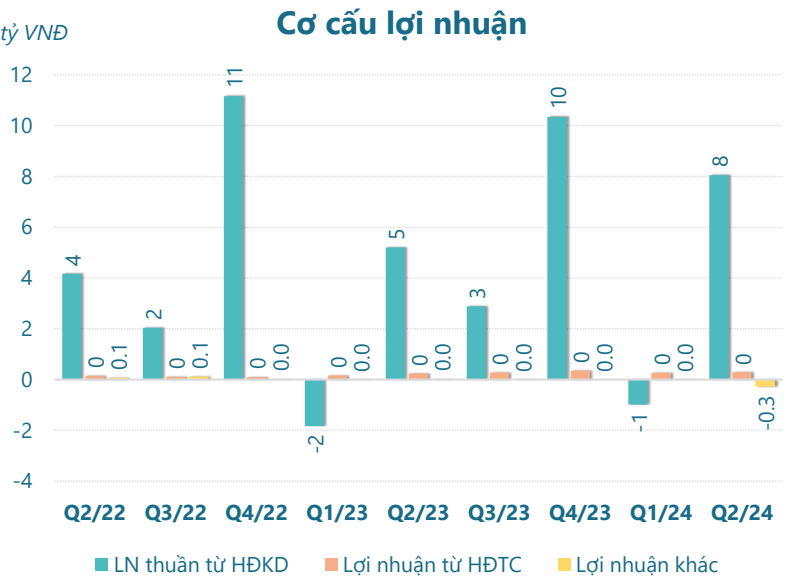
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 8.05 tỷ đồng**, tăng thêm 9.04 tỷ đồng so với kỳ trước và cao hơn 54.8% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 0.28 tỷ đồng**, tăng thêm 7.69% so với kỳ trước và cao hơn 16.7% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.28 tỷ đồng** giảm đi 0.28 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 1500% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **PIA** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **52.88 tỷ đồng** tăng thêm **90.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.75 tỷ đồng, tăng trưởng 26.7%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **70.00 tỷ đồng** cao hơn 75.0% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 5.00 tỷ đồng** cao hơn 66.7% so với cùng kỳ năm trước.



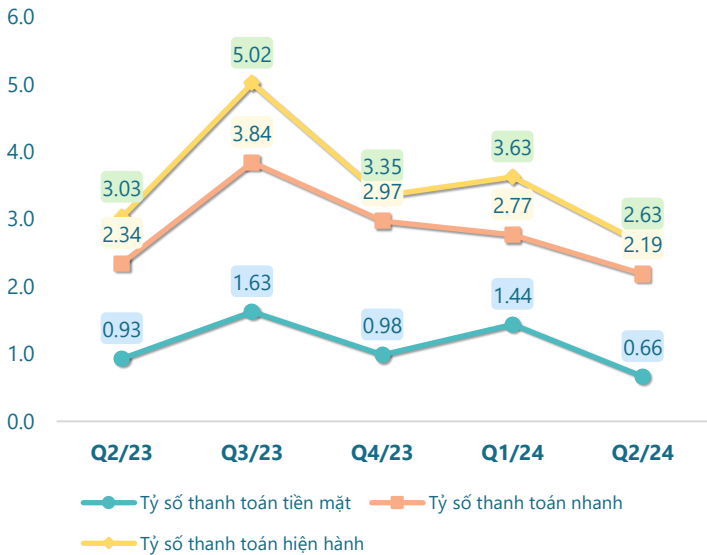
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **11.30 tỷ đồng** tăng thêm 54.4% so với kỳ trước và cao hơn 19.6% so với cùng kỳ năm trước.

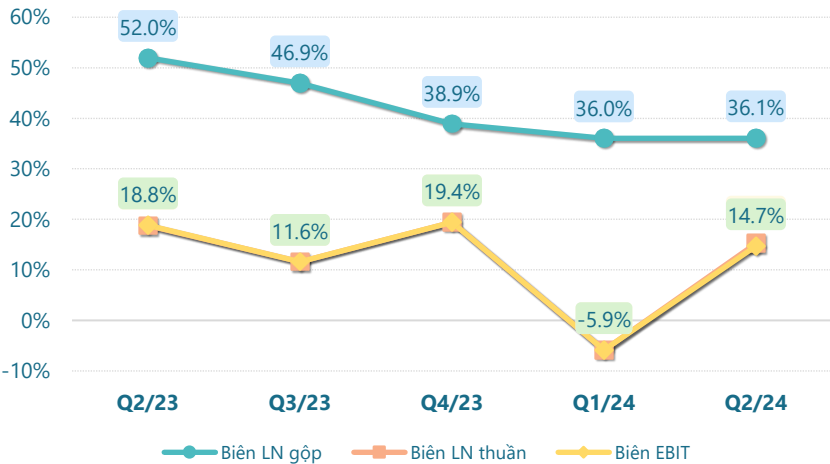
Chi phí khác bằng **0.32 tỷ đồng** tăng thêm 0.32 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.32 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	52.9	16.8	215%	27.7	90.9%	69.7	40.3	72.9%
Giá vốn hàng bán	33.8	10.8	213%	13.3	154%	44.6	18.9	135%
Lợi nhuận gộp	19.1	6.07	214%	14.4	32.5%	25.1	21.4	17.7%
Doanh thu HĐTC	0.28	0.27	4.8%	0.24	17.9%	0.55	0.41	35.5%
Chi phí TC	0	0.00		0.00		0.00	0.01	-86.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	11.3	7.32	54.4%	9.45	19.6%	18.6	18.4	1.3%
Chi phí QLDN	0	0.00		0.00		0	0	
LN thuần từ HĐKD	8.05	-0.99	914%	5.20	54.9%	7.07	3.38	109%
Lợi nhuận khác	-0.28	0.00		0.02	-1511%	-0.28	0.03	-1056%
LN trước thuế	7.77	-0.99	885%	5.23	48.6%	6.79	3.41	99.2%
Lợi nhuận sau thuế	5.75	-0.99	681%	4.54	26.6%	4.76	2.73	74.8%
LNST của CĐ cty mẹ	5.75	-0.99	681%	4.54	26.6%	4.76	2.73	74.8%

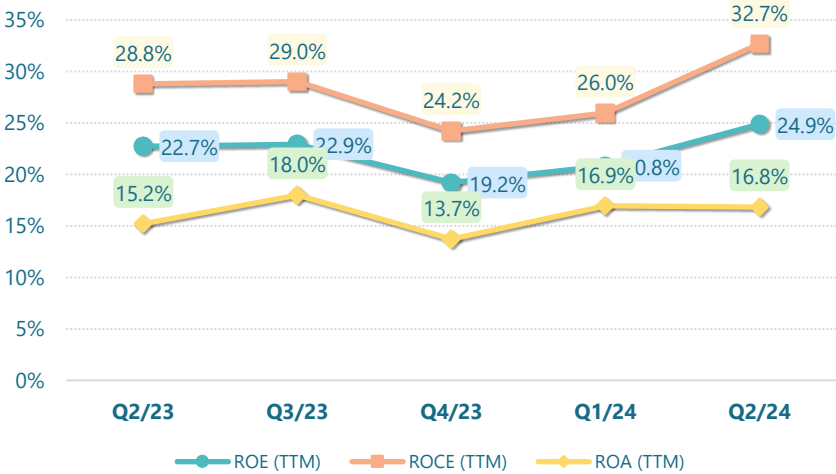
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

